TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 545/2024/HS-PT
Ngày: 10 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;
Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;
Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 330/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2024, đối với bị cáo Trần Quốc L, do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- *Bị cáo không có kháng cáo:*

Trần Quốc L, sinh năm 1974 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: số G, ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị C; bị cáo có vợ tên Nguyễn Lục Ngọc T (chết) và có 01 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 16/11/2022 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Quốc L*:* Luật sư Võ Tuấn A - Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1975; nơi thường trú: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1958; nơi thường trú: số I đường L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2. Bà Đoàn Thị Mỹ H, sinh năm 1969; nơi thường trú: số E đường Đ, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre; nơi tạm trú: số G, ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Quốc L không có nghề nghiệp ổn định. Khoảng năm 2017, L lên trang Google tìm kiếm hình ảnh lực lượng Công an rồi ghép hình của L vào với mục đích làm quen những người phụ nữ trên mạng xã hội. Cụ thể, L lấy 01 tấm ảnh của một người Công an có bảng tên Võ Quốc T2 (không rõ cấp bậc, chức vụ,

đơn vị công tác), dùng App thay đổi hình ảnh của L vào hình ảnh người tên Võ Quốc T2 rồi đặt làm ảnh đại diện trên trang cá nhân tài khoản Zalo, Facebook của L để làm quen với những người phụ nữ trên mạng xã hội.

Ngoài ra, L còn lên trang Facebook cung cấp hình ảnh của L đặt làm Căn cước công dân tên Nguyễn Trọng M1, sinh ngày 16/6/1968; nơi thường trú: T, C, Bến Tre với giá 400.000đ để sử dụng.

Khoảng tháng 3/2021, L làm quen với bà Phạm Thị T1, sinh năm: 1975; thường trú: ấp T, xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương. Trong quá trình quen biết, L và T1 thường xuyên gọi điện thoại, nhắn tin với nhau (L sử dụng tên Võ Quốc T2), T1 không biết họ tên thật của L.

Tháng 3/2022, cả hai hẹn gặp nhau tại quán cà phê ở quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, L nói với T1 hiện L là cán bộ Công an, cấp hàm Thượng tá, làm việc tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và sinh sống tại Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi ra về, tại cổng quán, bà T1 đưa cho L 70.000.000 đồng nhờ Lập giữ giùm (do bà T1 tin tưởng L là Công an thật đồng thời lúc này trời tối, bà T1 nghĩ mang nhiều tiền sẽ gặp nguy hiểm). Sau đó, T1 hỏi L về số tiền nêu trên, L hứa trả lại cho T1 đồng thời Lập biết T1 có nhu cầu mua đất nên đã nói với T1 là L có nhà cần bán, để L giữ rồi trừ vào tiền bán nhà của L thì T1 đồng ý.

Tháng 6/2022, L hẹn chở T1 đi mua đất và cả hai vào nhà nghỉ V trên đường L thuộc phường P thuê phòng để nghỉ. Biết T1 đang đi tìm đất để mua xây nhà ở, L nói có 01 căn nhà ở Quận H và có nhiều đất định bán ở khu vực huyện B (thực tế Lập không có nhà ở và đất), đồng thời hứa sẽ dẫn T1 đi xem nhằm mục đích làm cho T1 tin tưởng L và đồng ý đưa hết số tiền mang theo là 95.000.000đ để L đặt cọc mua đất xây nhà sau này cả hai ở chung.

Giữa tháng 6/2022, L biết được thông tin T1 đang kêu bán đất ở Bình Phước sẽ có nhiều tiền nên nảy sinh ý định chiếm đoạt toàn bộ số tiền mà T1 bán đất có được. Lập nói với T1 đang cần 1.500.000.000đ để mua xe ô tô nhưng không muốn vướng vào các thủ tục vay Ngân hàng để ảnh hưởng đến ngành Công an - nơi Lập công tác đồng thời mua xe để chở T1 đi chơi nên T1 tin tưởng đồng ý cho L mượn tiền. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/6/2022, sau khi T1 bán đất xong và nhận được tiền, L đưa T1 đến Ngân hàng A1 chi nhánh huyện L, tỉnh Bình Phước rút số tiền 1.500.000.000 đồng đưa cho L. Sau đó, L dùng 375.017.000đ mua vàng tại Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng và cầm đồ Kim Kim T3, địa chỉ: H Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có hóa đơn mua vàng), số tiền còn lại Lập tiêu xài cho cá nhân.

Khoảng tháng 7/2022, L đặt mua trang phục Công an nhân dân trên trang Facebook với tổng số tiền khoảng 5.000.000đ sau đó mặc trang phục Cảnh sát và gọi điện thoại video cho T1 để T1 tin tưởng L là Công an thật, sẽ không tố cáo L.

Sau khi giao tiền cho L, T1 nhiều lần yêu cầu L ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho T1 nhưng L hứa hẹn nhiều lần nên T1 nghi ngờ L lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Sau khi L có hành vi bỏ trốn, bà T1 nhiều lần gọi điện thoại cho L nhưng không liên lạc được nên bà T1 làm đơn tố cáo hành vi của L gửi đến Cơ quan Công an.

Quá trình điều tra xác minh xác định L sinh sống tại số nhà G, ấp D, xã M, huyện B, tỉnh Long An cùng với Đoàn Thị Mỹ H.

Tại Kết luận giám định số 464/KL-KTHS ngày 06/12/2022 của Phòng K Công an tỉnh B xác định 01 căn cước công dân số 037690153985, tên Nguyễn Trọng M1, sinh năm 1968, nơi thường trú: T, C, Bến Tre cấp ngày 20/10/2020 là giả.

Đối với số vàng thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra bị hại đồng ý nhận số vàng trên theo hóa đơn mua vàng để khấu trừ số tiền 375.017.000 đồng bị cáo L chiếm đoạt của bà T1 và nhận số tiền mặt 63.400.000 đồng. Tổng số tài sản bà T1 nhận lại là 438.417.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Quốc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Quốc L 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 07 (bảy) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 14 (mười bốn) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 585, 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Trần Quốc L có nghĩa vụ trả lại cho bị hại Phạm Thị T1 số tiền 1.156.583.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi sáu triệu năm trăm tám mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2024, bị hại Phạm Thị T1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra để điều tra lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị hại Phạm Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Bị hại xác định không kháng cáo về phần tội danh và hình phạt đối với bị cáo; Đối với số tiền 70.000.000 đồng, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương không tính vào số tiền lừa đảo thì cũng phải công nhận và buộc bị cáo L trả lại cho bị hại; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra Công an tỉnh B làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, sau đó đưa cho ai thì phải đưa người đó vào tham gia tố tụng, theo như lời khai của bị cáo L thì số tiền đó được dùng để trả nợ cho ông T4, ông L1 nên phải đưa những người này vào tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị hại hợp lệ nên cần được xem xét.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại Phạm Thị T1 có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra Công an tỉnh B làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, phải đưa ông T4, ông L1 vào tham gia tố tụng để thu hồi số tiền này. Theo như lời khai của bị cáo L tại phiên tòa hôm nay thì số tiền sau khi chiếm đoạt được dùng một phần để trả nợ cho ông T4, ông L1, Tuy nhiên, bị cáo không đưa ra được địa chỉ, số điện thoại, họ tên hình ảnh của những người này, không xuất trình thêm được chứng từ chứng minh bị cáo đã dùng tiền trả cho nhưng người này nên đây chỉ là những lời khai gian dối của bị cáo L nhằm trốn tránh trách nhiệm. Không có căn cứ để xem xét, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại T1 về phần này.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng, mà bị hại yêu cầu buộc bị cáo L trả lại cho bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có ý thức gian dối để chiếm đoạt mà do bà T1 tự nguyện đưa cho bị cáo giữ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại T1 về phần này. Bà T1 có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với số tiền này.

Tại phiên tòa, Luật sư Võ Tuấn A bào chữa cho bị cáo Trần Quốc L thống nhất về tội danh và điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử. Không có căn cứ để xem xét, do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Kháng cáo của bị hại là hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét kháng cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các kết luận giám định, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, nên có đủ cơ sở xác định Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử bị cáo tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Do không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[2.3]. Về trách nhiệm dân sự:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại có yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án hình sự sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho cơ quan điều tra Công an tỉnh B làm rõ số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại, phải đưa ông T4, ông L1 vào tham gia tố tụng để thu hồi số tiền này. Tuy nhiên, theo như lời khai của bị cáo L tại phiên tòa hôm nay thì số tiền sau khi chiếm đoạt được dùng một phần để trả nợ cho ông T4, ông L1, nhưng bị cáo không đưa ra được địa chỉ, số điện thoại, họ tên, hình ảnh của những người này, không xuất trình thêm được chứng từ chứng minh bị cáo đã dùng tiền trả cho những người này. Mặt khác, bị cáo L khai chỉ biết những người này ở chợ đầu mối B đến lấy tiền của bị cáo, mà địa bàn chợ đầu mối rất rộng và đông người, mỗi ngày có hàng ngàn người đến đây để thực hiện giao dịch, cho nên Hội đồng xét xử đánh giá đây chỉ là những lời khai gian dối của bị cáo L nhằm trốn tránh trách nhiệm của bị cáo. Do không có căn cứ để xem xét, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại T1 về phần này.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng, mà bị hại yêu cầu buộc bị cáo L trả lại cho bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo không có ý thức gian dối để chiếm đoạt mà do bà T1 tự nguyện đưa cho bị cáo giữ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại T1 cũng không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết số tiền này nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị hại T1 về số tiền này. Bà T1 có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với số tiền này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị hại bà Phạm Thị T1 đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải trả lại cho bà số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.156.583.000 đồng. Bị cáo Trần Quốc L đồng ý trả lại số tiền trên theo như yêu cầu của bị hại. Do đó bị cáo L có nghĩa vụ trả lại cho bà Phạm Thị T1 số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.156.583.000 đồng. Do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng không có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị hại.

[2.4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.5]. Quan điểm của Luật sư bào chữa là có căn cứ nên được chấp nhận..

[2.6]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2.7]. Về án phí phúc thẩm hình sự:

Do không kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 355; Điều 356 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Phạm Thị T1, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2024/HS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên bố bị cáo Trần Quốc L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trần Quốc L 14 (mười bốn) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", 07 (bảy) tháng tù về tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 14 (mười bốn) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/11/2022.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Quốc L không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo (Trại TG tống đạt cho bị cáo);
- Bị hại, người liên quan;
- Lưu: HSVA, VP, TVN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt